

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM  
Tầng 11, 149-151 Nguyễn Văn Trỗi, phường Phú Nhuận, TP.HCM  
MST: 0312660770

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM KẾT THÚC  
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM  
Tầng 11, 149-151 Nguyễn Văn Trỗi, phường Phú Nhuận, TP.HCM  
MST: 0312660770

## MỤC LỤC

	Trang
□ Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025 .....	1 - 3
□ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025.....	4
□ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2025 .....	5
□ Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2025 .....	6 - 15



**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>	<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	<b>100</b>		<b>169,987,469,595</b>	<b>230,200,959,843</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	(1)	<b>24,633,640,697</b>	<b>1,894,855,971</b>
1. Tiền	111		6,633,640,697	1,894,855,971
2. Các khoản tương đương tiền	112		18,000,000,000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	(2)	<b>104,000,000,000</b>	<b>190,500,000,000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		104,000,000,000	190,500,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	(3)	<b>39,307,276,687</b>	<b>35,994,882,272</b>
1. Trả trước cho người bán	132		-	-
2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134		35,112,319,760	30,898,001,585
3. Phải thu ngắn hạn khác	135		4,194,956,927	5,096,880,687
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2,046,552,211</b>	<b>1,811,221,600</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(4)	2,046,552,211	1,811,221,600
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>2,839,733,476</b>	<b>4,301,397,603</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>13,000,000</b>	<b>13,000,000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	218	(5)	13,000,000	13,000,000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	(7)	<b>2,308,826,549</b>	<b>3,652,988,735</b>
1. TSCĐ hữu hình	221		<b>512,650,840</b>	<b>703,480,256</b>
- Nguyên giá	222		3,319,879,743	3,188,206,143
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2,807,228,903)	(2,484,725,887)
2. TSCĐ vô hình	227		<b>1,796,175,709</b>	<b>2,949,508,479</b>
- Nguyên giá	228		10,239,320,684	10,239,320,684
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8,443,144,975)	(7,289,812,205)
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>517,906,927</b>	<b>635,408,868</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(6)	169,461,357	391,629,745
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		348,445,570	243,779,123
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>172,827,203,071</b>	<b>234,502,357,446</b>

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>	<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310 + 330)	<b>300</b>		<b>18,095,120,920</b>	<b>14,434,287,748</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>16,647,566,287</b>	<b>13,131,373,242</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	44,572,000
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(8)	9,678,039,668	7,114,159,036
3. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	(9)	6,897,111,050	5,510,878,111
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	(10)	72,415,569	461,764,095
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1,447,554,633</b>	<b>1,302,914,506</b>
1. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359	(11)	1,447,554,633	1,302,914,506
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410)	<b>400</b>	(12)	<b>154,732,082,151</b>	<b>220,068,069,698</b>
<b>I. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>410</b>		<b>154,732,082,151</b>	<b>220,068,069,698</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		27,500,000,000	27,500,000,000
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		2,500,000,000	2,500,000,000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		124,732,082,151	190,068,069,698
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>172,827,203,071</b>	<b>234,502,357,446</b>

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

<b>CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết Minh</b>	<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>	<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>
<b>1. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác</b>	030	(13)	<b>119,997,811,431</b>	<b>114,449,420,046</b>
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		119,997,811,431	114,449,420,046
<b>2. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác</b>	040	(14)	<b>64,110,963,557,416</b>	<b>55,195,508,323,649</b>
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		64,110,963,557,416	55,195,508,323,649
<b>3. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác</b>	050	(15)	<b>25,709,939,068</b>	<b>4,023,450,000</b>
<b>4. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác</b>	051	(16)	<b>55,622,884,246</b>	<b>30,753,445,998</b>

Ngày 25 tháng 03 năm 2026

Người lập

Nguyễn Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thùy Linh

Tổng Giám Đốc



Trần Châu Danh

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM  
**BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Lũy kế năm nay	Lũy kế năm trước
Doanh thu	01		153,660,228,284	138,712,161,354
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10	(17)	153,660,228,284	138,712,161,354
Doanh thu hoạt động tài chính	21	(18)	9,075,188,281	8,845,743,213
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(19)	(44,166,739,202)	(39,016,146,451)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh	30		118,568,677,363	108,541,758,116
Thu nhập khác	31		8,539,400	51,870,160
Chi phí khác	32		(9,592,249)	(280,827)
Lợi nhuận khác (40=31+32)	40		(1,052,849)	51,589,333
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		118,567,624,514	108,593,347,449
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(20.1)	(24,008,278,508)	(21,827,024,416)
Thuế TNDN hoãn lại	52		104,666,447	(126,354,430)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50+51+52)	60		94,664,012,453	86,639,968,603

Ngày 25 tháng 03 năm 2026

Người lập



Nguyễn Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thùy Linh



Trần Châu Danh

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>	<b>I</b>		
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>118,567,624,514</b>	<b>108,593,347,449</b>
<i>Điều chỉnh:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	1,475,835,786	1,499,393,163
Các khoản dự phòng	03	145,000,000	145,000,000
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(9,075,188,281)	(8,845,743,213)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động</b>		<b>111,113,272,019</b>	<b>101,391,997,399</b>
(Tăng)/tăng các khoản phải thu	09	(4,070,580,720)	(2,790,489,947)
(Giảm)/tăng các khoản phải trả	11	948,854,720	(246,251,900)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(13,162,223)	260,943,510
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(21,441,300,056)	(20,595,073,681)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>86,537,083,740</b>	<b>78,021,125,381</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>	<b>II</b>		
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(131,673,600)	-
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ	22	-	-
Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(153,000,000,000)	(210,500,000,000)
Tiền thu khi đáo hạn hợp đồng tiền gửi ngân hàng	24	239,500,000,000	126,000,000,000
Lãi tiền gửi thu được	27	9,833,374,586	8,500,192,517
<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng trong hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>96,201,700,986</b>	<b>(75,999,807,483)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>III</b>		
Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(160,000,000,000)	(50,000,000,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(160,000,000,000)</b>	<b>(50,000,000,000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>22,738,784,726</b>	<b>(47,978,682,102)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>1,894,855,971</b>	<b>49,873,538,073</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>24,633,640,697</b>	<b>1,894,855,971</b>

Ngày 25 tháng 03 năm 2026

Người lập

*Handwritten signature*

Nguyễn Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng

*Handwritten signature*

Nguyễn Thị Thùy Linh



Trần Châu Danh

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Vốn trong nước

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

**3. Thông tin doanh nghiệp**

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 53/GP-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 10 tháng 02 năm 2014. Giấy phép Thành lập và Hoạt động đã được điều chỉnh và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 07/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 01 năm 2023.

Trụ sở chính: Tầng 11, 149-151 Nguyễn Văn Trỗi, phường Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Thời gian hoạt động: 50 năm.

Chủ sở hữu: Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Dai-ichi Việt Nam.

**4. Tổng số công nhân viên**

Đến thời điểm 31/12/2025: tổng số công nhân viên là 20 người.

**II. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

1. Niên độ kế toán: năm đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến 31/12/2014, các năm tiếp theo bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong sổ kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các đồng tiền khác phát sinh được ghi theo nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

3. Sổ kế toán được ghi chép theo hệ thống kế toán Việt Nam.

Hình thức sổ sách kế toán: Nhật ký sổ cái.

4. Chế độ kế toán áp dụng theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC và điều chỉnh, bổ sung, cập nhật theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế (“Thông tư 200”). Thông tư có hiệu lực thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC (“Quyết định 15”) ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**III. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Tiền gửi ngân hàng	6,633,640,697 (1)	1,894,855,971
Các khoản tương đương tiền	18,000,000,000 (2)	-
	<b>24,633,640,697</b>	<b>1,894,855,971</b>

(1) Trong đó:

Tiền gửi ngân hàng Vietcombank bằng VNĐ	6,505,361,728
Tiền gửi ngân hàng BIDV bằng VNĐ	128,278,969

(2) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất năm 4.75% năm.

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên ba tháng đến một năm và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại không quá một năm tại:</i>	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngân hàng TMCP Á Châu	9,000,000,000	58,000,000,000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	44,000,000,000	57,000,000,000
Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	31,000,000,000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	27,000,000,000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	4,000,000,000	17,500,000,000
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)	47,000,000,000	-
	<b>104,000,000,000</b>	<b>190,500,000,000</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn hưởng lãi suất năm từ 5.20% đến 6.60%.

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**3. Các khoản phải thu ngắn hạn**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu phí quản lý danh mục từ DLVN	34,927,199,190	30,753,445,998
Phải thu phí quản lý danh mục từ Quỹ “DFVN – CAF” và “DFVN – FIX”	185,120,570	144,555,587
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng	4,151,386,313	4,909,572,618
Phải thu ngắn hạn khác	43,570,614 (1)	187,308,069
	<u>39,307,276,687</u>	<u>35,994,882,272</u>

(1) Trong đó:

- Khoản phải thu ngắn hạn khác có kỳ hạn còn lại không quá 3 tháng: 43,570,614

**4. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Số dư đầu kỳ	1,811,221,600	1,804,597,682
Tăng trong kỳ	7,142,143,295	6,510,956,774
Phân bổ trong kỳ	(6,906,812,684)	(6,504,332,856)
Số dư cuối kỳ	<u>2,046,552,211</u>	<u>1,811,221,600</u>

**5. Các khoản phải thu dài hạn**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu dài hạn khác	13,000,000	13,000,000
<b>Cộng</b>	<u>13,000,000</u>	<u>13,000,000</u>

**6. Chi phí trả trước dài hạn**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Số dư đầu kỳ	391,629,745	659,197,173
Tăng trong kỳ	134,201,960	168,038,700
Phân bổ trong kỳ	(356,370,348)	(435,606,128)
Số dư cuối kỳ	<u>169,461,357</u>	<u>391,629,745</u>

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**7. Tình hình tăng, giảm TSCĐ**

Chỉ tiêu	Máy móc, thiết bị	Phần mềm	Tổng cộng
<b>I. NGUYÊN GIÁ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH</b>			
1. Số dư đầu kỳ	3,188,206,143	10,239,320,684	13,427,526,827
2. Số tăng trong kỳ	131,673,600	-	131,673,600
3. Số dư cuối kỳ	3,319,879,743	10,239,320,684	13,559,200,427
<b>II. GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
1. Số đầu kỳ	2,484,725,887	7,289,812,205	9,774,538,092
2. Tăng trong kỳ	322,503,016	1,153,332,770	1,475,835,786
3. Số cuối kỳ	2,807,228,903	8,443,144,975	11,250,373,878
<b>III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
1. Số đầu kỳ	703,480,256	2,949,508,479	3,652,988,735
2. Số cuối kỳ	512,650,840	1,796,175,709	2,308,826,549

**8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2025	Số phát sinh trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/12/2025
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6,827,024,416	24,008,278,508	(21,441,300,056)	9,394,002,868
Thuế thu nhập cá nhân	287,134,620	4,966,333,421	(4,969,431,241)	284,036,800
Các khoản phí, lệ phí, phí khác	-	307,255,674	(307,255,674)	-
	<b>7,114,159,036</b>	<b>29,281,867,603</b>	<b>(26,717,986,971)</b>	<b>9,678,039,668</b>

**9. Chi phí phải trả**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Chi phí khác	1,579,212,220	712,058,111
Lương tháng 13 và tiền thưởng cho nhân viên	5,317,898,830	4,798,820,000
	<b>6,897,111,050</b>	<b>5,510,878,111</b>

**10. Phải trả ngắn hạn khác**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHTN, BHYT	-	258,647,780
Các khoản phải trả khác	72,415,569	203,116,315
	<b>72,415,569</b>	<b>461,764,095</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**11. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Số dư đầu năm	1,302,914,506	1,158,623,222
Trích lập dự phòng trong năm	145,000,000	145,000,000
Chi bồi thường cho nhà đầu tư	(359,873)	(708,716)
	<u>1,447,554,633</u>	<u>1,302,914,506</u>

**12. Vốn chủ sở hữu**

CHỈ TIÊU	Số dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Góp vốn (*)	27,500,000,000	-	-	27,500,000,000
Quỹ dự phòng tài chính	2,500,000,000	-	-	2,500,000,000
Phân phối lợi nhuận (**)	-	-	(160,000,000,000)	(160,000,000,000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	190,068,069,698	94,664,012,453	-	284,732,082,151
<b>Tổng Cộng</b>	<b>220,068,069,698</b>	<b>94,664,012,453</b>	<b>(160,000,000,000)</b>	<b>154,732,082,151</b>

(\*) Tổng số vốn đầu tư tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025 là 27,500,000,000 đồng (hai mươi bảy tỷ năm trăm triệu đồng).

(\*\*) Hội đồng Thành viên Công ty đã quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024 với tổng số tiền là 80,000,000,000 VND cho Chủ sở hữu. Ngày thực hiện phân phối lợi nhuận là 14 tháng 02 năm 2025.

Trong năm 2025, Hội đồng Thành viên Công ty tiếp tục quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025 với tổng số tiền 80,000,000,000 VND cho Chủ sở hữu. Ngày thực hiện phân phối là ngày 29 tháng 12 năm 2025.

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**13. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác**

Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước là Công ty TNHH BHNT Dai-ichi Việt Nam bao gồm:

	<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>	<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>
<b>Quỹ sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị</b>		
Tiền gửi ngân hàng	113,303,262,531	70,467,269,828
<b>Quỹ sản phẩm bảo hiểm liên kết chung</b>		
Tiền gửi ngân hàng	3,353,892,434	3,299,308,896
<b>Quỹ sản phẩm bảo hiểm hưu trí</b>		
Tiền gửi ngân hàng	28,517,122	47,375,077
<b>Quỹ sản phẩm bảo hiểm truyền thống</b>		
Tiền gửi ngân hàng	<u>3,312,139,344</u>	<u>40,635,466,245</u>
	<b><u>119,997,811,431</u></b>	<b><u>114,449,420,046</u></b>

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

(Thế hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**14. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác**

Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác trong nước là Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Dai-ichi Việt Nam bao gồm:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025			Ngày 31 tháng 12 năm 2024		
Quỹ sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị	Số lượng	Giá gốc	Giá thị trường	Số lượng	Giá gốc	Giá thị trường
<b>Quỹ sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị</b>						
Chứng khoán vốn	121,156,559	4,084,475,926,166	4,631,076,979,000	75,931,332	2,771,803,899,943	2,977,618,400,500
Chứng khoán nợ	370,080	116,692,864,800	123,413,020,000	370,000	36,692,864,800	46,287,970,000
Tiền gửi có kỳ hạn		1,038,200,000,000	1,038,200,000,000		1,152,900,000,000	1,152,900,000,000
<b>Quỹ sản phẩm bảo hiểm liên kết chung</b>						
Chứng khoán nợ	175,992,950	34,925,850,714,166	35,764,846,662,910	175,971,620	30,698,207,506,622	33,189,069,404,310
Tiền gửi có kỳ hạn		3,864,900,000,000	3,864,900,000,000		2,675,200,000,000	2,675,200,000,000
<b>Quỹ sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện</b>						
Chứng khoán nợ	1,150,000	116,627,350,000	129,521,450,000	1,150,000	116,627,350,000	138,539,850,000
Tiền gửi có kỳ hạn		122,700,000,000	122,700,000,000		109,760,000,000	109,760,000,000
<b>Quỹ sản phẩm bảo hiểm truyền thống</b>						
Chứng khoán nợ	109,024,173	14,562,316,702,284	15,912,201,967,650	109,020,213	14,427,316,702,284	16,855,114,340,732
Tiền gửi có kỳ hạn		5,279,200,000,000	5,279,200,000,000		3,207,000,000,000	3,207,000,000,000
<b>Tổng cộng</b>		<b>64,110,963,557,416</b>	<b>66,866,060,079,560</b>		<b>55,195,508,323,649</b>	<b>60,351,489,965,542</b>

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**15. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác**

	<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>	<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>
<b>Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác trong nước là Công ty TNHH BHNT Dai-ichi Việt Nam</b>		
Phải thu cổ tức	181,500,000	4,023,450,000
Phải thu bán cổ phiếu	25,528,439,068	-
	<b>25,709,939,068</b>	<b>4,023,450,000</b>

**16. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác**

	<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>	<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>
<b>Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác trong nước là Công ty TNHH BHNT Dai-ichi Việt Nam</b>		
Phí phải trả cho Công ty Quản lý quỹ DFVN	34,927,199,190	30,753,445,998
Phải trả mua cổ phiếu	20,695,685,056	-
	<b>55,622,884,246</b>	<b>30,753,445,998</b>

**17. Doanh thu hoạt động kinh doanh**

	<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>	<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư của DLVN	151,763,891,315	136,941,545,311
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ ĐTCK	1,896,336,969	1,746,556,350
Doanh thu từ phí phát hành chứng chỉ quỹ mở	-	24,059,693
	<b>153,660,228,284</b>	<b>138,712,161,354</b>

**18. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>	<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>
Lãi tiền gửi	9,075,188,281	8,845,743,213
	<b>9,075,188,281</b>	<b>8,845,743,213</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**19. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Lương và các chi phí theo lương	29,275,737,677	25,367,800,556
Công cụ dụng cụ & thiết bị	5,042,702,015	4,519,130,619
Chi phí công tác	475,151,045	622,370,315
Chi phí dịch vụ mua, thuê ngoài	7,647,503,879	6,836,951,798
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,475,835,786	1,499,393,163
Trích quỹ bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	145,000,000	145,000,000
Thuế và phí khác	104,808,800	25,500,000
	<b>44,166,739,202</b>	<b>39,016,146,451</b>

**20. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

• Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>		
Năm hiện hành	24,008,278,508	21,827,024,416
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(104,666,447)	126,354,430
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>23,903,612,061</b>	<b>21,953,378,846</b>

• Đối chiếu thuế suất thực tế:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>118,567,624,514</b>	<b>108,593,347,449</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	23,713,524,902	21,718,669,489
Các khoản điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ thuế	190,087,159	234,709,357
<b>Tổng cộng</b>	<b>23,903,612,061</b>	<b>21,953,378,846</b>

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Ngày 25 tháng 03 năm 2026

Người lập



Nguyễn Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thùy Linh

